

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/12/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+BK10+BK8	7:25	3+7+12	0+0+0		2+6+12	0+0+0	
2		VSP02+P2+P5	7:25	5+17+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
3		P9+RP1+RC5	7:25	22+0+0	0+0+0		9+9+4	0+0+0	
4		P2+P10+P6	7:25	16+6+0	0+0+0		13+7+2	0+0+0	CHUYEN 3 P2- P10
5		P10	9:25	22	0		21	0	
6		TD1+BK3+P9	9:25	9+5+8	0+0+0		0+4+17	0+0+0	
7		P11+BK4+TD3	9:25	18+0+4	0+0+0		11+3+8	0+0+0	
8		BK15+BK6+IS2	11:25	11+5+3	0+0+0		8+3+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY BK4-ING



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK4 - BK10 - BK8	CREW: TUYỀN - Hạnh - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARKHIPOV	BK4	65	1	5	40	92	ANTOAN	Russian
2	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	29	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4					65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	83	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THUY	BK10	85	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TUÂN HUNG	BK10	81	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG LINH	BK10	84	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG THANH	BK10	86	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH PHONG	BK10	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	82	1	5		75	PSV	Vietnamese
11	LÊ MINH ĐỨC	BK8	89	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	BK8	90	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO NGỌC HAI	BK8	93-94	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI ĐÌNH THỌ	BK8	77	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG DANH	BK8	78-79	2	10	32	65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐẦU	BK8	87	1	12	25	72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC QUANG	BK8	97-98	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG QUYÊN	BK8	95-96	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	BK8	80-82	3	17		67	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN DƯƠNG	BK8	85-86	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VĂN DŨNG	BK8	84	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI HỒNG SÁNG	BK8	83	1	5		90	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	2	9	231	40	2		
2	BK10	7	7	33	489	20	6		
3	BK8	12	19	144	850	57	12		
TOTAL		22	28	186	1.570	117	20		
WEIGHT KG				186	1.570	117			

GRAND TOTAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: VSP02 - P2 - P5	CREW: Trung - Hoi - DTung	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CARDACI DAVID ALAN	VSP02	94-95	2	18	5	95	CTY ALFA	Australian
2	CAO VAN KHA KHA	VSP02	01	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH THAO	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
5	GEFMAN	VSP02	43	1	8		106	KH-THAC	Russian
6	AFANASIEV	P2	46	1	8	40	99	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN MANH HUNG	P2	40	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	45	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ CÔNG KHANG	P2	44	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN THO	P2	41	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THANH LONG	P2	39	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ANH NGOC	P2	32-33	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN THUAN	P2	42	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TAN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC THĂNG	P2	37	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY NGOC	P2	34-35	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH NAM	P2	47	3	7		62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN KHÁC CẦN	P2	36	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	38	1	16		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU PHI	P2					76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DO	P2	31	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM THANH KIM	P2	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	5	4	31	429	5	0		
2	P2	17	19	135	1.251	40	20		
3	P5	0	0	0	0	50	2		
TOTAL		22	23	166	1.680	95	22		
WEIGHT KG				166	1.680	95			

GRAND TOAL: 1.941 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P9 - RP1 - RC5	CREW: Phong - Mạnh - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASYANKIN	P9	07	1	15		120	KH-THAC	Russian
2	YAKIMIDY	P9	08	1	7		100	KH-THAC	Russian
3	PHAM ĐỨC BÌNH	P9	11	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	13	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH THUY	P9	15	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KỲ	P9					81	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ VĂN THOẠI	P9	06	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MINH THUY	P9				30	80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ AN CHUNG	P9	12	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	300	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	04	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DŨNG	P9	10	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HÀ	P9	01	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN BĂNG	P9	02	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	05	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC THANH	P9	14	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI VĂN TUẤN	P9	09	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC TÀI	P9					67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	03	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ SỸ BÌNH	P9	18	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	17	94	1.596	30	9		
2	RP1	0	0	0	0	50	9		
3	RC5	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	17	94	1.596	120	22		
WEIGHT KG				94	1.596	120			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P2 - P10 - P6	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

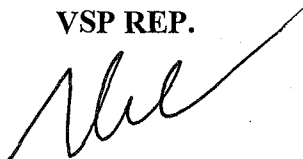
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	15	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	13	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUY TOÀN	P2	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC QUY	P2	12	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	18	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI HOÀNG TÂM	P2	11	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	14	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH TRI	P2	03-04	2	12	7	82	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY TIẾP	P2	17	1	6		65	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HIỆP	P2	16	1	5		77	PSV	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG VĂN	P2	08	1	5	55	70	PSV	Vietnamese
12	VŨ HỒNG QUANG	P2	09	1	8		75	PSV	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG KIỂM	P2	06	1	7		67	PSV	Vietnamese
14	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	01	1	4		57	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P2	07	1	7		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH TOÀN	P2	10	1	7		60	PSV	Vietnamese
17	HỒ ANH QUỐC	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
18	IVANOV	P10	89	1	5	35	115	KH-THAC	Russian
19	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	90	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH KHOA	P10	88	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	87	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

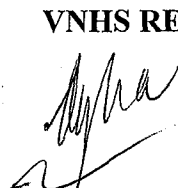
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	17	108	1.097	62	13	3	CHUYEN 03 PAX TU P2 SANG P10
2	P10	6	5	27	464	35	7		
3	P6	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	22	135	1.561	97	22		
WEIGHT KG				135	1.561	97			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P10	CREW: TUYỀN - Hạnh - Toan	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NAM	P10	10	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ĐĂNG TUÂN	P10	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TOÀN	P10	18	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DUY QUANG	P10	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUYNH VŨ	P10	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	P10	09	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	14	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC THANH	P10	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CHI HIỆU	P10				85	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT THANH	P10	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	96	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	BABKIN A.M	P10	28	1	10		90	KH-THAC	Russian
19	BUI ĐỨC HẬU	P10	20	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỦ	P10	19	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ HOÀI THANH	P10					65	YTE	Vietnamese
22	VŨ XUÂN TIỀN	P10	21	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	20	111	1.537	85	21		
TOTAL		22	20	111	1.537	85	21		
WEIGHT KG				111	1.537	85			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: TD1 - BK3 - P9	CREW: <i>Trang</i> Hoi - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VU QUOC	TD1	35	1	8	40	69	DVL	Vietnamese
2	TRAN VAN NGHIA	TD1	40	1	11		85	DVL	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	34	1	12		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIẾP	TD1	38	1	15		76	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUẬT	TD1	36	1	14		71	DVL	Vietnamese
6	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD1	99	1	9		71	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC LONG	TD1	600	1	12		60	DVL	Vietnamese
8	TRẦN VIỆT HỒ	TD1	37	1	12		70	DVL	Vietnamese
9	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD1	39	1	15		80	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN THE ANH	BK3	10	1	5	35	67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	87	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC THIẾP	BK3	62	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN TRỌNG	BK3	08	1	8		70	NPI	Vietnamese
14	PHAM BA BINH	BK3	02	1	2		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ĐỨC BÌNH	P9	26	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TUNG	P9	21-22	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THUA THAI	P9	28	1	6		63	CODIEN	Vietnamese
18	VŨ NGỌC THAI SON	P9	31	1	10	42	68	CODIEN	Vietnamese
19	CÔNG ĐỨC TÂM	P9	24	1	7		63	NPI	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LANG	P9	27	1	12	8	65	T-TIN	Vietnamese
21	LÊ VĂN LỢI	P9	25	1	4		72	YTE	Vietnamese
22	PHAM TUÂN VIỆT	P9	23	1	9		88	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	9	108	657	40	0		
2	BK3	5	5	22	341	35	4		
3	P9	8	9	66	585	50	17		
TOTAL		22	23	196	1.583	125	21		
WEIGHT KG				196	1.583	125			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: P11 - BK4 - TD3	CREW: Phong - Mạnh - Năm	ETA: 11:20
HONG 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HAI	P11	76	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VIET DUNG	P11	79	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P11	77	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIET	P11	82	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG SY NGOC	P11	74	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	P11	83	1	6	100	77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN TRI	P11	73	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUONG	P11	91-92	2	6		79	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN TRONG TUONG	P11	89	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUY TAI	P11	78	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THIEN NAM	P11	81	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN MINH	P11	80	1	8		61	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH DANH	P11	90	1	7		55	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN ANH HUNG	P11	84	1	18		80	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG MINH PHUC	P11	85-86	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TAN	P11	75	1	4		58	PSV	Vietnamese
17	NGO VAN THANH	P11	87-88	2	16		75	PSV	Vietnamese
18	LE BA TUAN	BK4	49	1	3	15	63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TIEN	BK4	48	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM XUAN MANH	BK4	36,29	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
21	IOV RUSLAN	TD3	43	1	9	2	65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

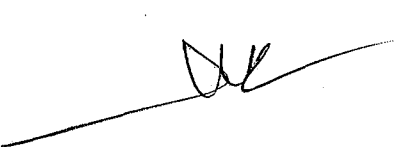
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	17	20	139	1,200	100	11		
2	BK4	3	4	13	204	15	4		
3	TD3	1	1	9	65	2	3		
TOTAL		21	25	161	1,469	117	18		
WEIGHT KG				161	1,469	117			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: BK15 - BK6 - JS2	CREW: Hạnh - CHIẾN - Toàn	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE HANH	BK15	62	1	9	25	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUU	BK15	68	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC TUNG	BK15	63	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH CONG	BK15					65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	BK15	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HONG LINH	BK15	64	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRONG	BK15	70-71	2	15	55	77	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HONG LINH	BK15	67	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI QUOC CUONG	BK15	66	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THAI SON	BK15	69	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN PHUONG	BK15	72	1	4		62	PSV	Vietnamese
12	TRAN SACH DON	BK6	59	1	12	35	60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO HOANG NAM	BK6	62	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VU QUANG LAM	BK6	58	1	9		57	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN THE NGUYEN	BK6	60	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
16	LUONG NHU THIEN	BK6	61	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
17	VU THE HUNG	JS2	96-97	2	14		55	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN TUYET	JS2	18	1	11	65	74	KHOAN	Vietnamese
19	HAN DAI HAO	JS2	07	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN THANH TINH	JS2	19	1	14		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	11	11	68	725	80	8		
2	BK6	5	5	47	330	35	3		
3	JS2	4	5	50	278	65	8		
TOTAL		20	21	165	1.333	180	19		
WEIGHT KG				165	1.333	180			

GRAND TOTAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/12/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+CIO	7:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
2		AMD+TD1+P11	7:25	4+18+0	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
3		P10+P1+PPD	7:25	0+1+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 3 P10- P1
4		CIO+TD2	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
5		BK14+BK9+CTK3	9:25	4+0+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	CHUYỂN 1 BK9- CTK3
6		JS2+TD5+CTK3	9:25	4+5+13	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
7		AMD+TTC1+TD3	9:25	20+0+0	0+0+0		9+0+13	0+0+0	TP TTC1
8		P9+P7+TD1	9:25	3+3+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
9		T.UNG	11:25	18	0		19	0	
10		GTCL+BK16+TD3	11:25	5+5+0	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
11		VSP01+RP2+RC4	11:25	14+8+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
12		PPD+P4+P3	11:25	10+3+0	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
13		TD1+CTK3	11:25	11+8	0+0		9+13	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
C/LI HOÀN KH ĐỘI C/A

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 04	TO: RC3 - CLO	CREW: Phong - KHOÀN - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN CONG HOP	RC3	60	1	5	40	66	NPX	Vietnamese
2	NGUYEN MINH TAI	RC3	17-18	2	9		70	NPX	Vietnamese
3	NGUYEN MANH TUAN	RC3	61	1	3		70	NPX	Vietnamese
4	TRUONG CONG THIN	RC3	58-59	2	13		68	NPX	Vietnamese
5	DATSKO P.D	CLO	79	1	15	20	116	KHOAN	Russian
6	BRATCHIKOV	CLO	85	1	12	80	91	KHOAN	Russian
7	TU QUOC VIET	CLO	83	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN LAM	CLO	82	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TRUNG THANH	CLO	75	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOC	CLO	77	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HUU SON	CLO	81	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
12	VU NGOC LUAN	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
13	CHU DUC AI	CLO	90	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VAN HOI	CLO	87	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN BUI QUANG	CLO	84	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN TAM	CLO	74	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN DAI DUONG	CLO	78	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN DUY	CLO	88	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN PHU VINH	CLO	89	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VINH	CLO	96	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	LAM XUAN TU	CLO	86	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
22	DANG DUY LY	CLO	76	1	2		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

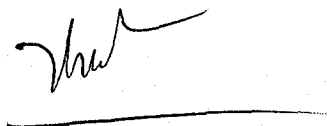
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	6	30	274	40	2		
2	CLO	18	17	114	1.321	100	20		
TOTAL		22	23	144	1.595	140	22		
WEIGHT KG				144	1.595	140			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

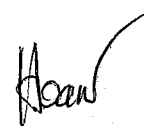
VSP REP:



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: AMD - TD1 - P11	CREW: Hạnh - MTuấn - QTrưởng	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DIAS RICHARD	AMD	67-68	2	12		75	BAB	Indian
2	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	66	1	10	40	60	BAB	Indonesian
3	VŨ VĂN SINH (TBA)	AMD	63-64	2	17		80	NAMLONG	Vietnamese
4	VŨ TÁ HUNG (TBA)	AMD	65	1	10		66	NAMLONG	Vietnamese
5	KLIUZHEV R.V	TD1	46	1	5		100	KHOAN	Russian
6	ĐỖ QUANG LỤC*TT	TD1	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ XUÂN THẮNG	TD1	48-50	3	12		62	SHINTRAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	04	1	5	60	65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	61	1	6	25	65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN MINH	TD1	45	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD1	59	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN HOÀN	TD1	57	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	HOÀNG ĐẠI NGHĨA*PK-PVD	TD1	47	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN DUY	TD1	58	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					49	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VĂN NINH	TD1	43	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HIỆU	TD1	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	60	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	65	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TUƠNG TỰ	TD1	67	1	6		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	6	49	281	40	4		
2	TD1	18	18	94	1.235	85	13		
3	P11	0	0	0	0	40	5		
TOTAL		22	24	143	1.516	165	22		
WEIGHT KG				143	1.516	165			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P10 - P1 - PPD	CREW: Vận - XTrường - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG ANH	P1	39	1	3	60	70	ANTOAN	Vietnamese
2	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	PPD	41	1	5		68	PVGAS	Vietnamese
3	TRẦN HOÀNG QUYÊN	PPD	46	1	5		70	PVGAS	Vietnamese
4	HỒ DIỄN BAO	PPD	43-44	2	17		60	PVGAS	Vietnamese
5	BUI SONG TOAN	PPD	45	1	7		70	PVGAS	Vietnamese
6	PHAN VĂN THĂNG	PPD	40	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	35-36	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	37-38	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN QUÝ	PPD	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	52-53	2	13		86	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ MẠU MẾN	PPD	33	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	51	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC HAI	PPD	47-48	2	13		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	50	1	6	50	72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HAI	PPD	49	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	42	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VIỆT ANH	PPD	34	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH QUANG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	0	0	0	0	30	0	3	CHUYEN 3 PAX P10 SANG P1
2	P1	1	1	3	70	60	0		
3	PPD	17	21	125	1.233	50	22		
TOTAL		18	22	128	1.303	140	22		
WEIGHT KG				128	1.303	140			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

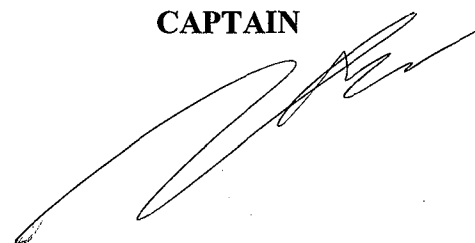
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: CLO - TD2	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

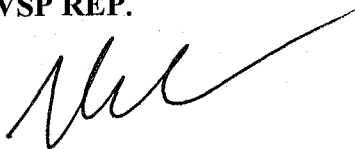
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN SANG	CLO	16	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN CHI NGHIEP	CLO	23	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN SY LONG	CLO	15	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN TUAN	CLO	07	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LUC	CLO	03	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN TRUNG	CLO	11	1	11		53	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THE DUNG	CLO	24	1	11		59	KHOAN	Vietnamese
8	LE XUAN THANG	CLO	04-06	3	17		83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	17	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THE TAM	CLO	09-10	2	13		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HAM HA	CLO	25	1	5		64	DVL	Vietnamese
12	MAI DUY KHANH	CLO	21-22	2	17		74	NIPI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	CLO	12	1	4		76	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DUY DONG	CLO	02	1	4		67	PSV	Vietnamese
15	LE MINH MINH	CLO	01	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	HOANG HUU THU	CLO	14	1	6		73	PSV	Vietnamese
17	VU MANH HUONG	CLO	08	1	10		52	PSV	Vietnamese
18	LAI DINH HAI	CLO	13	1	6		82	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUAN	CLO	26	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG	CLO	18	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HAU	CLO	19	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG TOAN	CLO	20	1	6		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

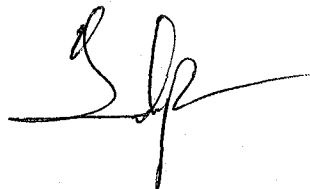
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	26	160	1.504	0	21		
2	TD2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	160	1.504	0	22		
WEIGHT KG				160	1.504	0			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: BK14 - BK9 - CTK3	CREW: Phong - XHOÀN - DTùng	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	BK14	91	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ MINH SỸ	BK14	89-90	2	11	30	70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN KHANH HÙNG	BK14	87-88	2	10		71	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ BA TU	BK14	86	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					70	YTE	Vietnamese
6	BOGDANOV	CTK3	11	1	5		80	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	13	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN DÂN	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HAI	CTK3	03	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	DUƠNG VĂN MẠNH	CTK3	04	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	11	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ XUÂN TRÚC	CTK3	09	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN THAI	CTK3	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	400	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO VĂN MINH	CTK3	99	1	3	20	62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
21	DUƠNG VĂN BÌNH	CTK3	07	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	02	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	4	6	39	283	30	0		CHUYỂN 1 PAX BK9 SANG CTK3
2	BK9	0	0	0	0	30	2	1	
3	CTK3	18	14	69	1.250	20	20		
TOTAL		22	20	108	1.533	80	22		
WEIGHT KG				108	1.533	80			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: JS2 - TD5 - CTK3	CREW: Vận - XTrường - Năm	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LONG	JS2	41-42	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN CHÍNH TÀI	JS2	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN BA SƠN	JS2	15	1	4	50	65	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ HOÀI NAM	JS2	01,14	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD5	47-48	2	17		100	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN THAI	TD5	49	1	10		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC NINH	TD5	51	1	12	60	72	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TUÔNG	TD5	46	1	7		78	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN MẠNH .	TD5	50	1	11		68	DVL	Vietnamese
10	MAKAROV O. B	CTK3				23	100	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	98	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	94-95	2	19		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	01	1	13	12	58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	100	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	99	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	91	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ ĐÌNH THẠM	CTK3	89	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	92	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THANH HOẠT	CTK3	96-97	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3					80	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	6	34	263	50	1		
2	TD5	5	6	57	388	60	7		
3	CTK3	13	12	86	898	35	14		
TOTAL		22	24	177	1.549	145	22		
WEIGHT KG				177	1.549	145			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: AMD - TTC1 - TD3	CREW: Hạnh - MTuấn - QTrưởng	ETA: 11:15
XANH-2			

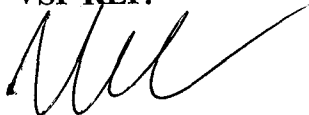
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TOÁN (TBA)	AMD	78	1	8		62	NAMLONC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN MINH (TBA)	AMD	77	1	8		75	NAMLONC	Vietnamese
3	LÊ PHƯƠNG THUY (TBA)	AMD	74	1	5		60	NAMLONC	Vietnamese
4	ĐẶNG THANH SƠN (TBA)	AMD	73	1	6		72	NAMLONC	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	86	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	93	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	91-92	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	88	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	82	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	84	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	81	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH PHÚC AM	AMD	89	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG ANH SƠN	AMD	83	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ BA THANH	AMD	71-72	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	90	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	AMD	75-76	2	16		56	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC QUÂN	AMD	85	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	87	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	23	154	1.382	0	9		
2	TTC1	0	0	0	0	143	0		
3	TD3	0	0	0	0	10	13		
TOTAL		20	23	154	1.382	153	22		
WEIGHT KG				154	1.382	153			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: P9 - P7 - TD1	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG CAO CƯỜNG	P9	37	1	2		65	NPX	Vietnamese
2	TRIỆU THANH ĐÔNG	P9	35-36	2	10		60	NPX	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH BÌNH	P9	38	1	15		57	NPX	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỂU	P7	01	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN SỸ	P7	02	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO ĐỨC HAI	P7	03	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	17	1	4	80	65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC THAI	TD1	15	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN BA HÙNG	TD1	22	1	9		55	DSONG	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	04	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THANH	TD1	10-11	2	14		71	KHOAN	Vietnamese
12	LUƠNG TÂN HAI*MC-PVD	TD1	08	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	05	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
14	CÙ THANH NHÂN-PVDT	TD1	12-13	2	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ LONG	TD1	14	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN QUYẾT	TD1	01	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HỮU HÙNG	TD1	03	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD1	02	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM HOA VIỆT	TD1	06	1	5		68	YTE	Vietnamese
20	THAI KHẮC QUÝ	TD1	09	1	4		72	D-HANH	Vietnamese
21	LÊ NHẬT TUẤN	TD1	07	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
22	BAEV	TD1	16	1	8		85	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	3	4	27	182	0	0		
2	P7	3	3	13	207	0	0		
3	TD1	16	18	104	1.158	80	22		
TOTAL		22	25	144	1.547	80	22		
WEIGHT KG				144	1.547	80			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 9	TO: T.UNG	CREW: Khánh - TRƯỞNG	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	23	1	7	110	68	PVD	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỂU	T.UNG	43	1	8		70	PVD	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	42	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH TÙNG	T.UNG					71	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THÀNH	T.UNG					76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	34	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ CHIẾN THẮNG	T.UNG	26	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	T.UNG	24	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	29	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH THANH LAM	T.UNG	31-32	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HOÀ	T.UNG					70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀNG	T.UNG	27	1	6		80	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	28	1	3		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	35	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	LUƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG					70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	T.UNG	25	1	4		61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	T.UNG	30	1	4		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	15	88	1.202	110	19		
TOTAL		18	15	88	1.202	110	19		
WEIGHT KG				88	1.202	110			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: GTC1 - BK16 - TD3	CREW: Vận - Mạnh - Năm	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM THÁI	GTC1	44	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG AN	GTC1	41	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	43	1	5	60	65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MINH THANH	GTC1	45-46	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	42	1	3		63	PSV	Vietnamese
6	VŨ QUÝ HOÀNG	BK16	74	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	47	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY TUÂN	BK16	49	1	5	44	69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÀ	BK16	75	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	73	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	5	6	32	323	60	6		
2	BK16	5	5	26	341	44	5		
3	TD3	0	0	0	0	140	11		
TOTAL		10	11	58	664	244	22		
WEIGHT KG				58	664	244			

GRAND TOAL: 966 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: VSP01 - RP2 - RC4	CREW: Hạnh - MTuấn - QTrưởng	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	VSP01	85	1	8		64	LIÊN DAN	Vietnamese
2	HUYNH THANH HIỀN	VSP01	90	1	11		57	LIÊN DAN	Vietnamese
3	VŨ QUANG HÀ	VSP01	88-89	2	15		70	LIÊN DAN	Vietnamese
4	BUI HỒNG THAI	VSP01	99	1	5	58	65	VT SHIPM	Vietnamese
5	LÊ KHANH TOÀN	VSP01	93	1	6		66	VT SHIPM	Vietnamese
6	LUONG VĂN DINH	VSP01	92	1	11		65	VT SHIPM	Vietnamese
7	LUONG VĂN HẠNH	VSP01	98	1	10		68	VT SHIPM	Vietnamese
8	ĐINH CHÍ THẨM	VSP01	87	1	7		67	VT SHIPM	Vietnamese
9	VŨ VĂN TUYẾN	VSP01	24-25	2	8		67	VT SHIPM	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN TUẤN	VSP01	91	1	4		68	VT SHIPM	Vietnamese
11	TRẦN ĐĂNG QUYNH	VSP01	95-96	2	12		75	VT SHIPM	Vietnamese
12	PHAN TRUONG PHONG	VSP01	94	1	7		60	VT SHIPM	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	VSP01	97	1	5		47	VT SHIPM	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	VSP01	86	1	5		69	PSV	Vietnamese
15	BUI CÔNG TRÌNH	RP2	78	1	5		61	PVE	Vietnamese
16	TỔ VŨ DŨNG	RP2	72	1	6		56	PVE	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THÔNG	RP2	76	1	9		65	PVE	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HỘI	RP2	74	1	6	100	63	PVE	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN AN	RP2	77	1	5		67	PVE	Vietnamese
20	LẠI HỒNG NGÂN	RP2	73	1	8		70	PVE	Vietnamese
21	PHẠM MINH CƯỜNG	RP2	75	1	3		67	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	14	17	114	908	58	14		
2	RP2	7	7	42	449	100	0		
3	RC4	0	0	0	0	14	8		
TOTAL		21	24	156	1.357	172	22		
WEIGHT KG				156	1.357	172			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 12	TO: PPD - P4 - P3	CREW: Khang - MTHAO - NNam	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	64	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ HIẾN THÀNH	PPD	66	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	69	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN BA	PPD	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	67	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD				90	74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	65	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC CHÂN	PPD	78	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TOÀN	PPD	70-72	3	20		75	LILAMA	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH VINH	P4	01-02	2	14		70	PV DRILL	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH KIẾN	P4	03	1	5	20	61	PV DRILL	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P4	04	1	5		66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	11	56	681	90	6		
2	P4	3	4	24	197	20	4		
3	P3	0	0	0	0	40	12		
TOTAL		13	15	80	878	110	22		
WEIGHT KG				80	878	110	+40		

GRAND TOAL: 1.068 KGS +40

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:35
FLIGHT: 13	TO: TD1 - CTK3	CREW: Khang - MTHAO - NNam	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH VINH	TD1	24	1	5		58	DVL	Vietnamese
2	BUI TUÂN THANH	TD1	25	1	6		55	PSV	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN MINH	TD1					60	PSV	Vietnamese
4	ĐẶNG THẾ THANH	TD1					67	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	23	1	4		76	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN ĐÌNH TÚ	TD1	26	1	4		65	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1					53	PSV	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TỈNH	TD1					90	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN TÀI	TD1	27	1	3		66	PSV	Vietnamese
10	ĐINH KHÁC THẠCH	TD1					62	PSV	Vietnamese
11	BUI NGOC QUANG	TD1					61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY THANH	TD1	28	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	19	1	9	50	64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH MAI THIÊN	CTK3	12	1	6		74	CODIEN	Vietnamese
15	PHI DUY HOAN	CTK3	15	1	8		73	CODIEN	Vietnamese
16	ĐOÀN TUÂN DƯƠNG	CTK3	13	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
17	CAO NGỌC TRỌNG	CTK3	14	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
18	PANKRATOV	CTK3	21	1	12		104	ANTOAN	Russian
19	TRẦN VĂN TOÀN	CTK3	20	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC DINH	CTK3	22-23	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	12	6	32	775	0	9		
2	CTK3	8	9	79	599	50	13		
TOTAL		20	15	111	1.374	50	22		
WEIGHT KG				111	1.374	50			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN